TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Xuân
2. Bà Nguyễn Thị Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 681/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim V,** Sinh năm 1987, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Bá N,** Sinh năm 1985,vắng mặt.

Cùng địa chỉ: đường số 04, ấp T, xã H, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim V trình bày: Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Trần Bá N chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND phường B, thành phố T, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần đầu tiên kết hôn của cả hai anh chị.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, anh N hay nhậu nhẹt, cờ bạc. Vào tháng 01/2020, chị V có nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh N nhưng do anh N hứa thay đổi tính tình, tu chí làm ăn nên chị V đã rút đơn khởi kiện ngày 08/7/2020, nhưng từ đó đến nay anh N vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do đó, chị quyết định yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê L, sinh ngày: 17/7/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Bá N được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Trần Bá N vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Trần Bá N đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim V. Tuy nhiên, khi thu thập chứng cứ tại hồ sơ khởi kiện lần đầu, thì anh N có lời khai là không đồng ý ly hôn, về con chung thống nhất có 01 con chung và nếu sau khi ly hôn sẽ giao con chung là cháu Trần Lê L cho chị V nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Kim V được ly hôn với anh Trần Bá N. Về con chung: chị V yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Lê L, sinh ngày: 17/7/2009 không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, mặt khác cháu L có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nên giao cháu Lực cho chị V nuôi dưỡng chị V không yêu cầu anh Năng cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Kim V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Trần Bá N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Kim V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt anh Trần Bá N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Kim V và anh Trần Bá N có đăng ký kết hôn năm 2008, tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: chị V yêu cầu ly hôn với anh N, nhưng anh N không có lời khai vì anh N không đến Tòa án làm việc mặc dù anh N biết và nhận được văn bản tố tụng của Tòa án. Anh chị không còn chung sống với nhau đã hơn 01 năm nay, tại Quyết định đình chỉ số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã đình chỉ vì chị V rút đơn để cho anh N thay đổi tính tình, tuy nhiên sau khi rút đơn anh chị vẫn không về chung sống với nhau, bản thân anh N không thay đổi. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 08/01/2021 thể hiện anh Trần Bá N đang cư trú và sinh sống tại ấp T, xã H, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Trần Lê L có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, chị V yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Lê L. Xét thấy, giao cháu cháu Trần Lê L, sinh ngày: 17/7/2009 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Kim V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Kim V được ly hôn với anh Trần Bá N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê L, sinh ngày: 17/7/2009 cho chị Lê Thị Kim V trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Anh Trần Bá N được quyền thăm nom con chung. Khi cần thiết, chị chị Lê Thị Kim V và anh Trần Bá N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Lê Thị Kim V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004455 ngày 13/11/2020 được tính trừ vào án phí.

Chị Lê Thị Kim V và anh Trần Bá N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *CCTHADS H.Xuân Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trang

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Trường;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Trang